**1Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020**

|  |
| --- |
|  |
| Thẩm quyền giải quyết | UBND cấp huyện |
| Lĩnh vực | Dân tộc |
| Cách thức thực hiện | a. Qua bưu điện; b. Qua thư điện tử: c. Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính. |
| Trình tự thực hiện | Quy trình xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi được thực hiện theo trình tự sau:           a. Cấp xã: Căn cứ tiêu chí quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg và các điều kiện cụ thể của xã, Uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các thôn tổ chức xác định thôn đặc biệt khó khăn; tổ chức xác định xã thuộc khu vực III, II, I; lập báo cáo gửi Uỷ ban nhân dân cấp huyện về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; hồ sơ gửi cấp huyện không quá 20 ngày làm việc.           b. Cấp huyện: Sau khi nhận đủ hồ sơ của các xã, Uỷ ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổng hợp và lập báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện, hồ sơ gửi cấp tỉnh thẩm định không quá 10 ngày làm việc.           c. Cấp tỉnh: Sau khi nhận đủ hồ sơ của các huyện, Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định (Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan thẩm định). Căn cứ kết quả thẩm định, Uỷ ban nhân dân tỉnh lập báo cáo thẩm định và đề nghị Uỷ ban Dân tộc tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, thời gian thẩm định và hoàn thành các hồ sơ, thủ tục gửi Uỷ ban Dân tộc không quá 15 ngày làm việc. |
| Thành phần hồ sơ | Hồ sơ cấp xã gửi cấp huyện: 2 bộ, gồm:           - Báo cáo đánh giá kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực III, II, I kèm: Bảng tổng hợp danh sách các xã thuộc khu vực III, II, I; Bảng tổng hợp danh sách các thôn (bao gồm cả thôn đặc biệt khó khăn và thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn);           - Văn bản đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh thẩm định kết quả xác định đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi;           - 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg, gồm:           + Bảng đánh giá của các thôn về mức độ đạt hoặc không đạt tiêu chí quy định tại điều 2 của Quyết định này;           + Danh sách thôn được xác định thuộc diện đặc biệt khó khăn và thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn;           + Báo cáo về kết quả xác định xã thuộc khu vực III, II, I. |
| Thời hạn giải quyết | Thời gian tổng hợp và hoàn thành các thủ tục, hồ sơ gửi cấp tỉnh thẩm định không quá 10 ngày làm việc; |
| Lệ phí |  |
| Kết quả thực hiện | Văn bản đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh thẩm định  kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi kèm Báo cáo đánh giá kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực III, II, I. |
| Cơ quan thực hiện | Phòng Dân tộc cấp huyện. |
| Đối tượng thực hiện | Tổ chức |
| Yêu cầu hoặc điều kiện | a. Thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;           b. Việc xác định được tiến hành theo đúng quy trình, thủ tục quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng. |
| Căn cứ pháp lý | Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020. |

\* Mẫu đơn, mẫu tờ khai: